

Nguyễn Mỹ (Độc Sách)

# ANANTA TOER: TÊN TIÊN DÂN ĐẢO JAVA

(Văn Học Nam Dương)



**Tháng 5/1949, nhà tù Bukit Duri, đảo Java:** Pramoe- dya Ananta Toer cố đào cho ra giấy bút để viết. Ban ngày, chỗ ngủ bằng *ciment* được sử dụng làm thành bàn viết. Ban đêm, giữa hai tuần canh, lại tiếp tục viết với ánh sáng leo lét của ngọn đèn canh nhỏ. Cứ như thế, *Kẻ Đào Tẩu* được hoàn tất sau 8 ngày. Ngày 12/12/1949, Ananta Toer được ra khỏi nhà tù của Hòa Lan (bị bắt ngày 23/7/1947 vì tội tiên truyền cho phong trào ái quốc). *Kẻ Đào Tẩu* ra mắt năm 1950, là năm Nam Dương được Hòa Lan trao trả nền độc lập, đã làm cho một thanh niên 25 tuổi nổi tiếng như cồn.

**Tháng 1/1991, Djakarta:** Ananta Toer bị quản thúc tại gia, trong nước Cộng Hoà Nam Dương. Từ 1965-1979, ông đã trải qua 14 năm sống trong các trại cải tạo, nhà tù khác nhau. Tác giả của khoảng 30 quyển sách được dịch ra nhiều thứ tiếng nhất trong số các nhà văn Nam Dương, nhiều lần được chính thức tuyển chọn đi dự giải Nobel, thế mà lại không hề được nhắc nhở, hiện hữu trên chính quê hương mình: Ananta Toer không được tự do hành động, nhà cửa thường xuyên bị lục xét; tên tuổi bị báo chí tẩy chay hoặc không dám đụng tới; sách viết ra bị cấm xuất bản, ngay cả còn bị đem đốt trước công chúng; bạn bè của ông bị theo dõi, ngờ vực; nếu vô tình tìm thấy tàng trữ sách ông viết thì sẽ bị tù nặng. Riêng

chỉ còn một chút an ủi trong tim chính là sự hỗ trợ của Hội Ân Xá Quốc Tế và Hội Văn Bút Quốc Tế với những cuộc tiếp xúc với nước ngoài.

Vậy Ananta Toer đã bị kết án những tội gì? Theo một tài liệu của Hội Văn Bút và sự ký nhận chính thức bởi chưởng lý Djakarta ngày 8/6/1988 để chứng minh việc tịch thu quyển *Ngôi Nhà Bằng Kính* (quyển cuối cùng trong bộ tứ bản kịch hoang đường mà lần hồi, ba quyển đầu cũng bị tịch thu), dường như người ta đã kết ông vào tội "*làm suy yếu những giáo điều tôn giáo*" (ông cũng theo Hồi giáo như 90% dân nước ông), "*tuyên truyền cho Cộng Sản, tuyên truyền mạt-xít lịch sử duy vật, dám chỉ trích những giá trị văn hóa quốc gia và làm mất niềm tin vào giá trị tinh thần dân tộc*"...

Với những ông Tướng cứ ngồi ò mõi trên quyền hành từ tháng 10/1965 đến nay, với những vụ tranh toán các phần tử Cộng Sản bị kết tội gieo mầm đảo chánh và các vụ bắt bớ giam cầm hơn một triệu rưỡi người dân thì những lời kết tội Ananta Toer kể trên là rất trầm trọng. Khi Viện Dân Quyền tại Djakarta xin được xét lại bản án, Bộ trưởng Bộ Tư Pháp đã tuyên bố thẳng thừng rằng "*Nam Dương không có chỗ cho ông ta.*"

"*Nếu tôi đã làm gì chống lại đất nước thì người ta cứ mang tôi ra xét xử*", ông đã nói thế và vẫn không hề có ý định bỏ nước ra đi. Trái lại, ông còn khôi hài một cách rất triết gia, cho rằng mỗi lần bị áp chế hiếp bức là thêm một lần cá nhân ông được "*tô bồi, trang điểm*". Bởi vì người ta càng xử tệ với ông thì lợi nhuận ông càng tăng: ở những thời kỳ hiếm hoi mà sách của ông viết ra được xuất bản, các kỷ lục bán đã bị ông dẫm nát; một mình ông nuôi sống cả một nhà xuất bản gồm 20 nhân viên; đa số các đồng nghiệp xem ông là nhà văn sinh thời lớn nhất của Nam Dương; còn các sách in lậu, bán chuyển tay thì phải kể đến hàng nửa triệu cuốn *photocopie* và rất được giá. Hơn thế, những người trong chính phủ lại là những kẻ đầu tiên mua sách ông viết để đọc.

Mặc dù sống xum họp với đầy đủ con cháu chung quanh (8 con, 10 cháu), Ananta Toer vẫn cảm thấy đau khổ. Chắc chắn là

ông cố nghĩ những tình cảm tự trọng xứng đáng, nhưng cứ mỗi lần sách viết ra bị tịch thu là *“như thể người ta đã lấy đi một phần đời sống tôi.”* Trong hai năm 1989-91, ông không tài nào viết được một chữ, cho dù chỉ thảo một lá thư nhỏ. Đó là *“con khủng hoảng tinh thần do những phiền hà, bức bối chồng chất”*.

Chỉ mới đây, ông bắt đầu cầm bút trở lại.

Nỗi đau khổ liên quan đến sách vở, ông được nếm mùi ngay từ thuở lên 10 (1935) khi trông thấy một đại diện chính quyền thực dân Hòa Lan đến nhà tịch thu những sách do cha ông (giám hiệu một trường học và cũng là khuôn mặt ái quốc của tỉnh Blora, đông bắc Java) sáng tác. Hoặç trường hợp nhìn thấy người hàng xóm cũ của nhà cha mẹ ông phải quăng bỏ sách mình đã viết xuống sông chỉ vì sợ có chuyện với cảnh sát. Cũng thế, lần đầu tiên năm 1947, bị bắt bởi cảnh sát Hòa Lan, tập nhật ký ông viết từ 1938 đã bị tịch thu và hủy bỏ. *“Lúc bấy giờ tôi thật là tuyệt vọng.”*

Tuy nhiên Ananta Toer vẫn tìm thấy lý do để tồn tại. Người chiến sĩ trẻ tuổi ái quốc sẽ còn bị một cú khác nặng nề kinh khủng hơn thực dân Hòa Lan. Đó là cuộc chiếm đóng của quân đội Nhật từ tháng 3/1942 đến tháng 8/1945 trên toàn quần đảo Java cho dù lớp người này đã đến với tính cách đại diện như một liên hợp để chống lại Hòa Lan, đem thật nhiều ảo tưởng cho dân chúng Nam Dương. Nhưng rồi thất vọng xảy ra nhanh chóng: các cuộc hãm hiếp, cướp bóc, khảo tra, xử tử, bị bắt hàng loạt, đã làm cho các *“anh hùng đi giải phóng”* bị thù ghét ngàn lần hơn *“kẻ tiền nhiệm thực dân áp bức”* trước đó.

Khi người mẹ và em trai qua đời, Ananta Toer bỏ làng quê lên thành phố Djakarta và xin vào làm việc trong một hãng thông tấn Nhật tên Domei. Nhờ thế mà ông biết được những đối trá của chính quyền *“giải phóng”* Nhật. Nhà văn đành tìm đến thư viện thành phố như một chỗ trú ẩn cho tâm hồn. Khổ nỗi, phòng đọc sách lại dính liền với phòng thẩm vấn của công an Nhật. Thế rồi trong âm vang điếc tai của tiếng ghế bàn bị xô ngã, của những lời

năn nỉ, rên xiết, những tiếng kêu thét đau đớn, chàng độc giả trẻ của nền triết học cổ Hy Lạp, của những áng văn chương trữ tình Nga, Dostoievski, Balzac... không những chỉ nhận ra sự thù ghét, mà còn là nỗi ghê tởm, chán nản trong mình. Những tình cảm ấy mạnh đến nỗi *“thời gian cũng không bao giờ xóa nhòa được.”*

Tháng 2/1945, một đơn vị của Péta, quân đội phụ thuộc gồm toàn lính Nam Dương do Nhật huấn luyện, đã nổi loạn ở Blitar, đông nam đảo Java. Gần như tất cả đều bị phạt chém đầu. Giai đoạn này, Ananta Toer đã thôi không còn làm việc ở phòng thông tấn Domei nữa và xung vào kháng chiến ở Blora. Tại đây, ông nghe tin Nhật đầu hàng đồng minh. Thế là ông nảy ra ý định viết một câu chuyện để tha hồ thả hứng theo lòng oán ghét của mình và chấm dứt tác phẩm đúng vào ngày đất nước độc lập. Câu chuyện *Kẻ Đào Tẩu* thật sự chỉ thành hình bốn năm sau đó, trong phòng giam Bukit Duri; nhưng ngay giây phút khởi đầu, ông đã biết rằng mình phải trở thành và mãi mãi sẽ là một nhà văn.

*Kẻ Đào Tẩu* là một quyển tiểu thuyết thời tuổi trẻ, nhưng 40 năm sau vẫn giữ được cái sức mạnh không phai của nó:

*Nhân vật Hardo, kháng chiến ái quốc, bị truy nã bởi quân đội Nhật. Cải trang thành một người hành khất về lại quê xưa, nơi có vị hôn thê là một cô giáo dạy trẻ. Hắn bị nhận diện bởi ông bố vợ tương lai, một gã nhà giàu mới nổi, hèn nhát, muốn giương bẫy bắt hắn dâng cho Nhật. Thế là Hardo phải tìm đến chỗ ở của ông bố già cô độc. Mặc dù không nhận ra con trai nhưng ông lão cũng có linh tính rằng tên hành khất nọ không phải là một kẻ tầm thường. Hardo lại có cơ hội tranh biện với một bạn đồng đội, nói về một bạn đồng đội khác, kẻ đã phản bội đầu hàng Nhật vì một cú thất tình. Hardo cố tìm hiểu để cảm thông cái “phản trắc” đó, trong khi tên bạn lại chỉ mơ ý nghĩ trả thù. Thế rồi tên tiểu nhân nói trên đã cố chứng tỏ đức hạnh của mình với quân đội Nhật bằng cách bắt giam vị hôn thê của Hardo.*

Bốn cảnh trí nói trên đã tạo thành tác phẩm với một vẻ bi kịch vĩ đại thuần túy. Một thắng lợi đạt được từ ý chí: Khi viết *Kẻ Đào Tẩu*, Ananta Toer đã học Anh ngữ bằng văn của John

Steinbeck. Đặc biệt ông thích thú kinh ngạc khi khám phá thấy cái kỹ thuật kể chuyện trong *Of Mice And Men* của nhà văn này: *“Không một chút diễn tả tâm lý, những tình tự nội tâm chỉ tự nó mô tả xuyên qua sự rõ rệt của những cảm giác.”*

Ngoài ra ông còn rút tỉa được kinh nghiệm của nhà văn Nam Dương đi trước --Idrus Ismail-- rằng ý tưởng của một câu văn không được phép dung thứ cho một chữ nào thừa thãi:

*“Và chỉ như thế, người ta mới hy vọng viết ra được một bản văn trong sáng mà mỗi từ vang lên vừa đúng, chính xác như tiếng gong dưới chiếc búa gõ của người nhạc sĩ.”*

Bốn bức tranh của Kẽ Đào Tẩu được vẽ thành bởi các cuộc đối thoại dông dài của những nhân vật có tình ý chọi nhau; ngờ vực và mù quáng, can đảm và hèn nhát, dịu dàng và hung bạo. Hardo không xuất hiện như một tay cầm tử kháng chiến, mà cũng chẳng là một tên lính thua trận. Hắn bắt ngờ đâm ra nghi kỵ; nếu không phải nghi cái lý do có đúng đắn hay không thì ít nhất cũng nghi ngờ những phương tiện để đạt đến chiến thắng. Dường như sự phản bội của người bạn, mặc dù hắn không muốn tin là thế, đã làm sáng mắt và phá tan đi những nhiệt tình chiến đấu ngày thơ của hắn, đưa hắn đến con đường tìm tòi những nguồn tư duy mới lạ khác.

*“Cái khiến tôi chú ý vào lúc ấy chính là sự liên kết những biến động. Làm thế nào trong suốt một đời, người ta có thể bước qua lằn ranh Thiện-Ác mà không lường trước được là mình sẽ rơi hẳn về phía nào.”*

Sự giản dị nhưng rất được kiến trúc của bố cục, sự quan trọng của những mẫu đối thoại đã làm cho *Kẽ Đào Tẩu* có nhiều kịch tính, rất gần với kịch truyền thống Nam Dương --*Wayang*-- nổi tiếng, một loại kịch diễn trong bóng tối với những con rối mà vở tuồng được lấy ý từ những thần thoại đặc thù của đảo Java. Sự sai lệch đối mới của *Wayang* truyền thống, hay thậm chí của quê hương khi đặt nền móng thành lập một quốc gia độc lập non trẻ và một nền văn học riêng biệt cho nó, là những điều mà *Kẽ Đào Tẩu* đã mang lại vinh quang cho tác giả: số tiền giải 1000 rúp giúp ông

cưới vợ, còn tác phẩm được mang vào chương trình quốc văn học đường.

Ananta Toer thuộc vào thế hệ 1945, về mặt chính trị cũng như nghệ thuật, đã đóng góp và thành lập từng tý cho một khuôn dạng đại thể Nam Dương chung của cả quần đảo.

Năm 1953, Ananta Toer được mời sang thăm “cựu mẫu quốc” Hòa Lan, nhưng ông chỉ ở chơi 6 tháng thay vì một năm. Một đất nước thật ngăn nắp, sạch sẽ, nhưng “*tôi có cảm tưởng như nó đang nằm trong một cái quan tài.*”

Về lại Djakarta, ông đã nuôi sống cho cả một gia tộc đông đúc, phải luân phiên viết không ngừng những bài báo, tin tức cho các nhật trình, đến nỗi một đồng nghiệp đã đùa mà ví sự viết lách của ông “*giống như một cuộc tháo dạt.*” Đa số các chủ đề ông viết đều liên quan trực tiếp đến sự phát triển đất nước, những vấn đề kinh tế, xã hội thời đó (một trong những tác phẩm loạt đề tài này có tên là *Tham Nhũng*). Ông đã tranh đấu cho lẽ công bằng xã hội, quyền hạn của phụ nữ, trách nhiệm của giới trí thức.

Năm 1965 là khúc quanh lịch sử chính trị của Ananta Toer: chuyến du hành sang Trung Quốc đã để lại nhiều ấn tượng nhất, kể đến là sự thăm viếng các nước Đông Âu. Cuộc hội nghị Bandung đã cho ra ý niệm thành lập các quốc gia không liên kết, trung lập, và ông được bầu làm chủ tịch của hội nghị những nhà văn Phi-Á. Lại được mời hợp tác với bộ Bách Khoa Tự Điển Liên Xô để viết về nền văn học Nam Dương và trở nên phần tử có uy tín của Lekra, một phong trào văn hóa chính trị có đường hướng thân Cộng.

Được cử nhận trách nhiệm về mục văn hóa của một nhật báo cực tả, ông đã ve vãn chủ nghĩa hiện thực xã hội kiểu Nam Dương. Ông bảo: “*Phải khôi phục lịch sử cho dân tộc*” và phóng mình vào những cuộc tranh luận về chủ thuyết với các đồng nghiệp báo chí, ngay cả với H. B. Jassin, một tay phê bình văn học lớn của Nam Dương, cũng là người đã hỗ trợ cho những tác phẩm đầu tay của nhà văn.

Thế là ông tạo ra những kẻ thù.

Khi ông tổ thái độ bênh vực nhóm thiểu số người Trung Hoa ở Nam Dương trong một quyển sách ra mắt năm 1960, chỉ huy trưởng Sudarmono, đương kim phó tổng thống lúc bấy giờ, đã tống giam ông mà không xét xử trong nhiều tháng. Những rắc rối phiền toái với chính quyền bắt đầu xảy ra. Trong đêm 30/9/1965, quân đội Nam Dương tuyên bố phá vỡ ý đồ đảo chánh của thế lực Cộng Sản, dần dà nắm hết quyền hạn. Vài tháng sau, Đại tướng Suharno thay quyền Sukarno. Quốc gia Nam Dương trải qua một cuộc nội chiến đẫm máu mà đa số nạn nhân chính yếu là những người theo đảng Cộng Sản.

Ngày 13/10/1965, cuộc đời Ananta Toer đổ nhào:

*“Khoảng 23 giờ đêm, chừng ba, bốn chục người trẻ tuổi lấy đá gạch từ công trường bên cạnh quăng vào nhà tôi. Tất cả đều mang mặt nạ, buộc lòng tôi phải ngờ vực. May mắn là tôi ở nhà một mình. Họ lại ném đá thẳng vào cửa chính. Tôi đi ra hỏi: ‘Các người muốn gì? Làm tay sai cho ai?’ Không một tiếng trả lời, chỉ có tiếng đá quăng như mưa rào. Tôi e họ sắp giết mình nên vào nhà lấy súng, và cầm cây cào cỏ. Một viên đá trúng đùi tôi chảy máu. Chợt có tiếng xe thẳng trước cửa nhà. Cuộc tấn công im bất và có tiếng kêu: ‘Lính! Lính!’ Thế rồi một sĩ quan xuất hiện bảo tôi: ‘Chúng tôi sẽ mang ông đến một nơi an toàn hơn.’ Không cảnh giác phòng bị gì cả, tôi vợ vội bản thảo truyện lịch sử vừa xong và cái máy đánh chữ. Đến khi leo lên xe, thấy vài tên đeo mặt nạ lúc nãy, mới hiểu ra là mình bị bắt cóc, áp tải. Bọn chúng lại dẫn tôi một trận như tử, tưởng chết. Nhà cửa bị vợ vét sạch và chẳng bao giờ nữa tôi còn được trở về lại căn nhà xưa.”*

Sau khi bị chuyển giải qua nhiều trại giam, tháng 8/ 1969, Ananta Toer rơi vô đảo Buru, một trong 3000 đảo ở Nam Dương, gọi là Trại Phục Hồi. Tất nhiên các tù nhân ở đây đều bị bỏ quên, phải tự lo lấy thực phẩm, thuốc men cho mình. Trại giam chiếm 1/3 diện tích cả đảo và có 14.000 tù nhân chính trị.

Năm 1974, Hội Hồng Thập Tự Quốc Tế có đến viếng đảo và hứa cấp cho hai tấn rưỡi thực phẩm, thuốc men, nhưng tất cả

những thứ này chẳng bao giờ đến tận tay tù nhân trên đảo. Để giải sầu cho các bạn tù, Ananta Toer khởi sự kể chuyện:

*“Ban đầu, tôi không được phép viết. Thế là tôi nói. Câu chuyện được nghĩ ra từng chút, đồng thời lại phải cố gắng ghi nhớ những đoạn ý trước đó. Mãi đến năm 1973, tôi mới được phép có giấy bút. Thế là tôi viết và chuyển tay cho mọi tù nhân khác đọc. Câu chuyện có một nhân vật nữ phải đối phó với những hoàn cảnh khó khăn cay nghiệt. Nhân vật này đã làm lên tinh thần các tù nhân một cách rất hiệu quả. Năm 1975, tôi khởi sự viết lại truyện và tạo ra một cơn dịch truyền nhiễm: mọi người tù đều lây chứng ham đọc sách và ai cũng thử viết một cái gì, hoặc ít nhất nghĩ ra được một đề tài. Tựa như ‘những người cầm đọt nhiên tập hát.’ Tôi đã từng biết qua những tháng năm khổ ải, tuyệt vọng, nhục chí kinh khủng. Đó là những năm 1947-48 trong nhà tù của thuộc địa Hòa Lan. Ở Buru này, một ngàn lần cùng cực khổ sở hơn nữa, nhưng tôi lại không cảm nhận điều nhục chí ấy. Đôi lúc tôi có cảm tưởng mình không sống sót nổi để chờ ngày ra tù, nhưng đồng thời lại vẫn thèm muốn được nhận biết cái kết cuộc của những cơ khổ này sẽ đến ra sao. Điều đó đã cho tôi một ý chí sống còn, tồn tại.”*

Ananta Toer đã kể đoạn nói trên trong một quyển sách ra mắt tại Hòa Lan tháng 11/1992, tựa đề *Lit Van Stomme (Ca Khúc Của Bọn Câm)*.

Những ngẫu nhiên tù đày ấy đã cung cấp cho nhà văn chất liệu căn bản để viết thành *Tứ Bộ Kịch Hoang Đường*, kết thúc vào lúc trước khi được trả tự do ngày 20/12/1979, tựa đề *This Earth of Mandkind*, đã được dịch ra nhiều thứ tiếng nhất trong tất cả các tác phẩm của nhà văn. *Child of All Nations*; *Footsteps*; và *Glass House* là những bản văn lớn về cuộc tranh đấu đòi độc lập cho Nam Dương. Những quyển này đã được xuất bản bởi nhà Hasta Mistra, do hai người bạn cựu tù nhân chính trị của Ananta Toer làm chủ, chỉ vì chẳng có nhà nào chịu nhận xuất bản sách của Ananta Toer. Nhưng rồi những sắc lệnh tịch thu, đình bản đã làm thâm thủng hao hụt tài chính của nhóm nên đã không thể cho ra mắt những tác phẩm mới khác, mặc dù họ đã cố xoay sở thêm những dịch vụ khác



nhau để kiếm tiền. Hơn nữa, thật là nguy hiểm nếu bị bắt quả tang đang bán sách của Ananta Toer. Cuối năm 1992, ba sinh viên ở Djakarta, một thành phố lớn có nhiều trường đại học, đã bị kết án nặng từ 7 đến 8 năm tù vì đã phân phát tác phẩm của Ananta Toer trong một cuộc họp kín với nhau.

□

